

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 21

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên điều hành	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên điều hành	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên điều hành	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành	
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành	
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập	
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1/1/2022 tới ngày 17/4/2022 là ông Trần Kinh Doanh. Từ ngày 18/4/2022 tới ngày lập báo cáo này là Ông Trần Huy Thanh Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

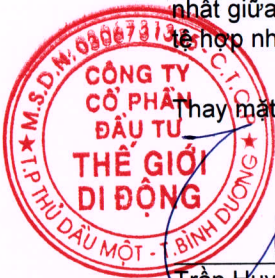
CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm công ty”) cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 14 tháng 5 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022

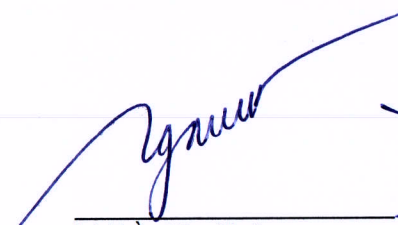
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.807.459.576.570	5.022.314.878.131
110	I. Tiền	4	194.845.156.345	2.090.337.215
111	1. Tiền		194.845.156.345	2.090.337.215
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.609.478.726.178	5.011.043.134.922
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	4.204.280.000.000	4.314.280.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.405.198.726.178	696.763.134.922
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		3.135.694.047	9.181.405.994
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	3.090.154.110	7.637.928.083
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		45.539.937	521.168.111
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.022.309.800
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.965.698.441.707	17.955.698.441.707
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	8	17.965.698.441.707	17.955.698.441.707
251	1. Đầu tư vào các công ty con	8.1	17.965.698.441.707	17.955.698.441.707
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.773.158.018.277	22.978.013.319.838

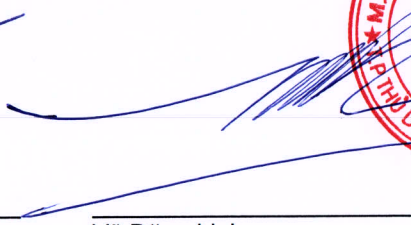
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022

VND

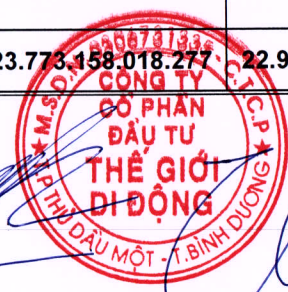
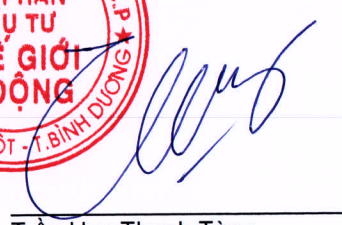
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.950.833.652.683	5.810.789.069.476
310	I. Nợ ngắn hạn		5.950.833.652.683	5.810.789.069.476
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		937.659.981	161.398.673
315	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	9	56.117.147.862	78.853.503.547
319	3. Phải trả ngắn hạn khác		194.627.178.192	2.602.887.192
320	4. Vay ngắn hạn	10	5.699.151.666.648	5.729.171.280.064
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.822.324.365.594	17.167.224.250.362
410	I. Vốn chủ sở hữu	11.1	17.822.324.365.594	17.167.224.250.362
411	1. Vốn cổ phần		7.130.654.950.000	7.130.654.950.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.130.654.950.000	7.130.654.950.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		522.021.325.200	522.021.325.200
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.320.000.000)	(2.320.000.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.171.968.090.394	9.516.867.975.162
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.516.867.975.162	6.100.535.387.519
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		655.100.115.232	3.416.332.587.643
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.773.158.018.277	22.978.013.319.838



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

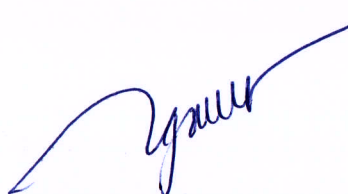
Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

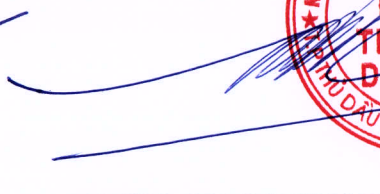
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	12	720.817.696.737	675.671.715.174
22 23	2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	13	(58.313.661.116) (52.652.643.703)	(70.779.048.965) (70.779.048.965)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	(5.605.349.281)	(2.358.410.068)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		656.898.686.340	602.534.256.141
31	5. Thu nhập khác		-	14.046.214
40	6. Lợi nhuận khác		-	14.046.214
50	7. Tổng lợi nhuận trước thuế		656.898.686.340	602.548.302.355
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.1	(1.798.571.108)	(587.511.874)
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		655.100.115.232	601.960.790.481



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



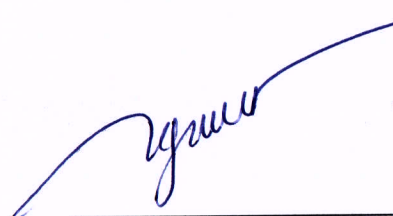

Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		656.898.686.340	602.548.302.355
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(751.972.310.152)	(675.671.715.174)
06	Chi phí lãi vay	13	52.652.643.703	70.779.048.965
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(42.420.980.109)	(2.344.363.854)
09	Tăng các khoản phải thu		(653.143.482.714)	(1.596.376.055.439)
11	Giảm các khoản phải trả		708.450.510	91.402.470.871
14	Tiền lãi vay đã trả		(69.523.823.627)	(39.200.580.160)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(764.379.835.940)	(1.546.518.528.582)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(100.000.000.000)	(2.021.900.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		210.000.000.000	100.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức		665.224.955.070	657.521.767.860
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		765.224.955.070	(1.264.378.232.140)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	11.1	191.909.700.000	135.183.330.000
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	11.1	-	(368.410.000)
33	Tiền thu từ đi vay		-	2.768.400.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		191.909.700.000	2.903.214.920.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		192.754.819.130	92.318.159.278
60	Tiền đầu năm		2.090.337.215	4.476.161.365
70	Tiền cuối năm	4	194.845.156.345	96.794.320.643

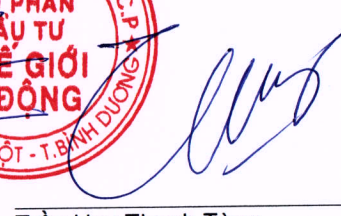


Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính





Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99,99

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 đề ngày 14 tháng 5 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền gửi ngân hàng	<u>194.845.156.345</u>	<u>2.090.337.215</u>

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (*)	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 16</i>)	<u>4.104.280.000.000</u>	<u>4.214.280.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.204.280.000.000</u>	<u>4.314.280.000.000</u>

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 6,96 % một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 16)	1.404.592.741.666	696.000.000.000
Khác	605.984.512	763.134.922
TỔNG CỘNG	<u>1.405.198.726.178</u>	<u>696.763.134.922</u>

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	<u>3.090.154.110</u>	<u>7.637.928.083</u>

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 8.1)	<u>17.965.698.441.707</u>	<u>17.955.698.441.707</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 3 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	99,95	12.825.295.910.000	-	99,95	12.825.295.910.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	3.626.466.331.000	-	99,95	3.626.466.331.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	860.937.300.707	-	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99.998.900.000	-	99,99	99.998.900.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín (*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	15.000.000.000	-	99,99	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				17.965.698.441.707	-		17.955.698.441.707	-

(*) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	55.446.648.440	78.000.602.336
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	586.694.418	550.657.209
Khác	83.805.004	302.244.002
TỔNG CỘNG	<u>56.117.147.862</u>	<u>78.853.503.547</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 10.1</i>)	1.829.600.000.000	1.829.554.613.415
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 10.2</i>)	2.737.200.000.000	2.768.400.000.000
Trái phiếu thông thường đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 10.3</i>)	1.132.351.666.648	1.131.216.666.649
TỔNG CỘNG	<u>5.699.151.666.648</u>	<u>5.729.171.280.064</u>

10.1 Vay ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>
Ngân hàng BNP Paribas – Chi Nhánh Singapore	<u>1.829.600.000.000</u>	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2022 đến ngày 11 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. VAY (tiếp theo)

10.2 Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND	Kỳ hạn trả gốc
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Singapore)	<u>2.737.200.000.000</u>	Ngày 19 tháng 11 năm 2022

10.3 Trái phiếu thường trong nước

Trái chủ	Ngày 31 tháng 3 năm 2022 VND	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	480.000.000.000	6,55	17 Tháng 11 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.648.333.352)				
TỔNG CỘNG	<u>1.132.351.666.648</u>				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.532.099.870.000	522.021.325.200	(6.040.930.000)	8.714.514.099.519	13.762.594.364.719
Phát hành cổ phiếu (*)	129.142.400.000	-	6.040.930.000	-	135.183.330.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(368.410.000)	-	(368.410.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	601.960.790.481	601.960.790.481
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	<u>4.661.242.270.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(368.410.000)</u>	<u>9.316.474.890.000</u>	<u>14.499.370.075.200</u>
Năm nay					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	7.130.654.950.000	522.021.325.200	(2.320.000.000)	9.516.867.975.162	17.167.224.250.362
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	655.100.115.232	655.100.115.232
Ngày 31 tháng 3 năm 2022	<u>7.130.654.950.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(2.320.000.000)</u>	<u>10.171.968.090.394</u>	<u>17.822.324.365.594</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số đầu kỳ	7,130,654,950,000	4,532,099,870,000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	222,212,100,000
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	-	2,376,342,980,000
Số cuối kỳ	<u>7,130,654,950,000</u>	<u>7,130,654,950,000</u>

11.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	713.065.495	713.065.495
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	713.065.495	713.065.495
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(232.000)	(232.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	712.833.495	712.833.495

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
Thu nhập từ cổ tức	650.000.000.000	599.667.580.755
Lãi tiền cho vay	70.808.906.050	76.004.134.419
Lãi tiền gửi	8.790.687	-
TỔNG CỘNG	<u>720.817.696.737</u>	<u>675.671.715.174</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>
		VND
Chi phí lãi vay	52.652.643.703	70.779.048.965
Khác	5.661.017.413	-
TỔNG CỘNG	58.313.661.116	70.779.048.965

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>
		VND
Chi phí thuê nhà thầu	4.773.131.072	1.790.509.669
Chi phí tư vấn	782.218.209	567.900.399
Khác	50.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.605.349.281	2.358.410.068

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	656.898.686.340	602.548.302.355
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	131.379.737.268	120.509.660.471
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(130.000.000.000)	(119.933.516.151)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước	418.833.840	-
Chi phí không được khấu trừ	-	11.367.554
Chi phí thuế TNDN	1.798.571.108	587.511.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

15.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cổ tức	650.000.000.000	599.667.580.755
		Lãi cho vay	69.092.741.666	73.232.191.666
		Cho vay	-	1.997.500.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Tạm ứng góp vốn	653.000.000.000	1.595.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con	Góp vốn	10.000.000.000	-
Ông Robert Willett	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	550.657.209	550.657.209
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty trong cùng Tập đoàn (*)	Cho vay	-	24.400.000.000
		Lãi cho vay	-	1.600.495.890
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.165.031.507

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu cho vay ngắn hạn (i)				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	4.104.280.000.000	4.214.280.000.000
TỔNG CỘNG			4.104.280.000.000	4.214.280.000.000

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp không có thời hạn thu hồi với lãi suất vay 8.5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Tạm ứng	1.349.000.000.000	696.000.000.000
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	55.592.741.666	-
TỔNG CỘNG			1.404.592.741.666	696.000.000.000

(*) Trước đây là Công ty liên kết của Công ty.

17. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

18. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.







Lý Trần Kim Ngân Vũ Đăng Linh Trần Huy Thanh Tùng
 Người lập Giám đốc Tài chính Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2022